TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông An Văn Khoái.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Đình Phúc.
2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1983.
HKTT: Thôn TH, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
2. Bị đơn: Anh **Phạm Hồng Quý**, sinh năm 1980.
HKTT: Thôn TH, xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày*:**

Chị và anh Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 24/5/2002. Sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại thôn TH, xã ĐK huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị T đi làm công ty còn anh Q làm nghề điện tử. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính nết, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, anh Q có biểu hiện không chung thủy với chị nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh Q đã rất nhiều lần đánh chị ở mọi lúc, mọi nơi đặc biệt nhiều lần vào ban đêm anh Q đánh chị

và đuổi mẹ con chị ra ngoài đường. Năm 2017, chị đã làm đơn ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã thụ lý giải quyết nhưng sau đó do chị thương các con nên đã rút đơn về đoàn tụ để cho anh Q một cơ hội làm lại, vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Nhưng anh Q không thay đổi vẫn có biểu hiện không chung thủy với chị, không quan tâm đến vợ con, không chu cấp tiền cho các con học hành. Đặc biệt anh Q nhiều lần đánh chị khiến chị phải đưa con ra chỗ khác thuê nhà nhưng anh Q vẫn đến đập phá không cho ở, chị đã nhiều lần nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp nhưng không được. Chị và anh Q đã ly thân nhau 03 tháng, không ai quan tâm đến ai, mỗi người ở một nơi. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Q có 02 con chung gồm Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003 và Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011, hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 5 triệu đồng một tháng, bố đẻ chị là ông Nguyễn Văn Q hứa sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho chị về chỗ ăn, ở và học tập để nuôi dưỡng chăm sóc cho con chị cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị Ngô Thị Tuyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà bị đơn anh Phạm Hồng Q trình bày*:**

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn, cãi cọ nhau và trong những lần cãi cọ đó anh có đánh chị T vài lần. Nguyên nhân là do nghi ngờ ghen tuông nhau ngoài xã hội, chị T xúc phạm đến bố mẹ đẻ anh. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì thương các con còn nhỏ, sợ ảnh hưởng đến việc học hành của các cháu. Nhưng hiện tại anh cũng không có biện pháp gì để níu kéo và hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003 và Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011, hiện đang ở với chị T. Ly hôn trong quá trình điều tra, xác minh anh có quan điểm là xin nhận nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng tại phiên tòa anh có quan điểm là do hai con chung cháu H và cháu M đều có nguyện vọng xin được ở với chị T, thực tế chị T cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Nên chị T xin nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh nhất trí.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh Phạm Hồng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các biên bản xác minh ngày 27/6/2019 đối với Ông Phạm Quốc N, bà Tạ Thị Ng là bố mẹ đẻ anh Q và bà Nguyễn Thị H là hàng xóm của anh Q và chị T đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh Q và chị T đã nhiều lần đánh nhau, gia đình và hàng xóm phải can ngăn. Bên cạnh việc mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị T

còn mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Khi mâu thuẫn căng thẳng thì chị T đã sang ở nhờ nhà bà H nhưng anh Q vẫn sang mắng chửi và đập phá không cho chị T ở nhờ. Ông N, bà Ng xác định vợ chồng anh Q và chị Tuyết có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003 và Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng, ông bà có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ anh Q nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2019 với Ban công an xã, UBND xã ĐK đều xác định: Trong quá trình chung sống đã nhiều lần anh Q và chị T mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Ban công an xã ĐK đã nhiều lần phải đến can thiệp và lập biên bản tuy nhiên do là mâu thuẫn vợ chồng nên chỉ nhắc nhở để anh Q chấm dứt hành vi đánh chị T. UBND xã đã yêu cầu thôn triệu tập anh Q và chị T đến hội trường thôn TH để hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn cho anh chị nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn Ban công an xã, UBND xã ĐK đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện căn cứ vào mâu thuẫn thực tế để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2019 và 30/7/2019 với giáo viên chủ nhiệm của hai cháu Phạm Nhật M và Phạm Thị Ánh H đã cung cấp cho Tòa án biết trong quá trình học tập tại trường của hai cháu, chị T là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón và đóng góp tất cả các khoản học phí của các cháu cũng đồng thời là người quan tâm, hỏi han đến việc học hành của các cháu. Nhiều lần các thầy cô giáo chủ nhiệm được biết việc chị T và anh Q có mâu thuẫn, thậm trí là anh Q còn kề dao vào cổ chị T khiến chị T phải gọi điện cho cô giáo chủ nhiệm để cho cháu H về can ngăn bố. Ly hôn giáo viên chủ nhiệm của hai cháu đều đề nghị giao hai cháu cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

- Tại biên bản lấy lời khai của chị T và ông Q là bố chị T đã cho biết hiện tại chị T đang đi thuê nhà ở nhưng ông Q đang làm thủ tục mua nhà và đất cho chị T để chị có điều kiện chăm sóc cho các con đến khi trưởng thành đồng thời ông Q cũng hứa sẽ tạo điều kiện để giúp chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con một cách tốt nhất.

- Tại các biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003 và Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011 có sự chứng kiến của chị T. Các cháu đều thể hiện trong quá trình chung sống anh Q nhiều lần đánh chị T và đuổi 03 mẹ con ra khỏi nhà, Ban công an xã ĐK nhiều lần đến can thiệp. Các cháu đều đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết để chị T được ly hôn anh Q bảo vệ quyền lợi về tính mạng, sức khỏe cho chị T. Nguyện vọng của cháu H, cháu M đều xin được ở với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13

ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng Q.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Ngô Thị T và anh Phạm Hồng Q: Giao 02 con chung gồm Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003; Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011 (hiện đang ở với chị T) cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Phạm Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 24/5/2002 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính nết vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, vợ chồng ghen tuông nhau nên nhiều lần anh Q đã đánh chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào năm 2017, chị T đã làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết việc ly hôn, Tòa án nhân dân huyện đã thụ lý giải quyết. Tuy nhiên chị T nghĩ thương các con còn nhỏ và muốn cho anh Q một cơ hội để sửa chữa vợ chồng cùng chung sống nuôi dạy con chung nên đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Mặc dù vậy, sau khi rút đơn anh Q vẫn chứng nào tật ấy vợ chồng vẫn mâu thuẫn và nhiều lần anh Q đánh chị T, thậm chí chị T thuê nhà ra ở chỗ khác anh Q vẫn đến phá phách....chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp và lập biên bản về hành vi đánh chị T, hai bên gia đình đã phải can thiệp hòa giải nhưng không được, hiện tại chị T và anh Q đã sống ly thân. Chị T xin ly hôn anh Q không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để níu kéo tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị T nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị T được ly hôn anh Q để đảm bảo quyền lợi cho chị T và sớm ổn định cuộc sống riêng không gây mất trật tự tại địa phương.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003 và Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011, hiện đang ở với chị T. Chị T có đủ điều kiện nuôi con, gia đình chị T cam đoan sẽ hỗ trợ điều kiện tốt nhất cho chị nuôi dạy hai con chung đến khi đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị Tuyết và anh Q đã tự nguyện thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị T tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét

thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Ngô Thị T và anh Phạm Hồng Q: Giao cả 02 con chung là Phạm Thị Ánh H, sinh ngày 20/4/2003; Phạm Nhật M, sinh ngày 11/02/2011 (*Hiện đang ở với chị Tuyết*) cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cả 02 con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị T không yêu cầu anh Phạm Hồng Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Hồng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AB/2017/0002912 ngày 19/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THÁ dân sự huyện Thanh Miện;
- UBND xã ĐK;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái